

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-PT

Ngày: 26 - 01 - 2021

V/v Thực hiện nghĩa vụ tài sản do
người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền

Bà Trương Thị Lệ Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Ông Tống Khánh Lâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số : 22/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020 về “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXX-PT ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa dân sự phúc thẩm số 03/2021/TB-TA ngày 12/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu H - sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt
2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị Bảo Y- sinh năm 1988, Địa chỉ: Tiểu khu 10, tổ dân phố L, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Q; Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày:

Ngày 08/4/2019 anh Nguyễn Hữu H có ký hợp đồng cho anh Lê Văn G (chồng chị Hoàng Thị Bảo Y), trú tại: Tổ dân phố L, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh vay 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để kinh doanh với thời hạn 1 tháng. Tài sản cầm cố là xe ô tô BKS 38A-S mang tên Lê Văn G; giấy chứng nhận kiểm định số KC 6741436; Số khung MALBB 51CBBM-225721; Số máy:

G4FAAW-155510; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 014870. Do quen biết anh Lê Văn G từ trước nên anh Nguyễn Hữu H đồng ý cho anh G được để lại toàn bộ giấy tờ gốc xe ô tô cùng chứng minh nhân dân còn xe ô tô anh G được mượn về để làm phương tiện đi lại nhưng không may vào đêm ngày 08/4/2019 anh Lê Văn G bị tai nạn giao thông chết. Sau một thời gian anh H có báo cho chị Hoàng Thị Bảo Y (vợ anh Lê Văn G) về khoản nợ này và thống nhất sau 50 ngày tang của anh G thì xử lý thanh toán tiền nợ. Tuy nhiên chị Hoàng Thị Bảo Y với mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại, đã thực hiện các thủ tục kê khai giấy tờ xe bị mất và sang tên sở hữu chiếc xe ô tô từ Lê Văn G sang tên Hoàng Thị Bảo Y, sau đó bán cho người khác để tẩu tán tài sản. Biết sự việc anh H đã nhiều lần làm việc với chị Y nhưng chị không thực hiện nghĩa vụ trả nợ do anh G để lại. Nay anh Nguyễn Hữu H yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã K buộc chị Hoàng Thị Bảo Y thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại là anh Lê Văn G để lại nhằm trả lại số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) mà anh G đã vay cùng với lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và các chi phí phát sinh từ khi khởi kiện đến khi chị Hoàng Thị Bảo Y thanh toán, thực hiện xong nghĩa vụ tài sản do do người chết để lại. Tại phiên tòa nguyên đơn đã rút phần yêu cầu lãi suất và các chi phí phát sinh.

Bị đơn chị Hoàng Thị Bảo Y trình bày: Ngày 08/4/2019 anh Lê Văn G (chồng chị Y) bị tai nạn giao thông và đã chết. Ngày 04/6/2019 anh Nguyễn Hữu H có đến nhà thông báo khi còn sống anh G có cầm cố giấy tờ xe ô tô 38A-S với số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), chị Y cho rằng số tiền anh Lê Văn G vay anh H chị không hề biết và không được anh G thông qua khi vay. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, quá trình vợ chồng chung sống có xây nhà và mua xe, vợ chồng còn nợ nần nhiều, khi anh G mất chị Y không tìm được giấy tờ xe nên đã báo mất giấy tờ xe và đã sang tên chủ sở hữu cho chị Y. Sau đó chị Y đã bán xe cho người khác để lấy 200.000.000đ thanh toán các khoản chi phí ma chay cho anh G và các chi phí trong gia đình. Nay chị Hoàng Thị Bảo Y không đồng ý thanh toán số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) cho anh Nguyễn Hữu H. Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và không có yêu cầu chia di sản thừa kế theo qui định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Q (mẹ đẻ anh G), Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà Q vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì về yêu cầu của nguyên đơn. Ngày 4/9/2020 chị Y đã cung cấp cho Tòa án biên bản họp gia đình ngày 02/01/2020 và văn bản từ chối nhận di sản ngày 11/04/2020 của bà Lê Thị Q, theo đó bà Lê Thị Q đã để lại phần được hưởng thừa kế cho chị Hoàng Thị Bảo Y.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, khoản 1 điều 238, Bộ luật tố tụng Dân sự. Căn cứ 309, điều 310, điều 311, điều 312, điều 313, điều 314, điều 315, điều 316, điều 357,

điều 429, điều 463, điều 466, các điều 611, điều 613, điều 614, điều 615, điều 620, khoản 3 điều 623, điều 651, khoản 8 điều 658, Bộ luật Dân sự. Căn cứ điểm b điều 24, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu H. Buộc bị đơn, chị Hoàng Thị Bảo Y là người thừa kế, người quản lý di sản thừa kế, phải thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của người chết là anh Lê Văn G để lại, trả nợ cho anh Nguyễn Hữu H với số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

2. Chị Hoàng Thị Bảo Y được nhận lại ở anh Nguyễn Hữu H các loại giấy tờ cầm cố gồm: 01 CMND số 183365547, cấp ngày 22/02/2012 mang tên anh Lê Văn G, nơi cấp Công an Hà Tĩnh; giấy chứng nhận kiểm định số KC 6741436; Số khung MALBB 51CBBM-225721; Số máy: G4FAAW-155510; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 014870, khi chị thực hiện xong nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của người chết là anh Lê Văn G để lại.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 01/10/2020, bị đơn chị Hoàng Thị Bảo Y kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã K.

Ngày 02/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã K có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự số 02/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của tòa án nhân dân thị xã K do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và chưa xác định rõ nghĩa vụ của người được hưởng di sản của người chết để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn, Quyết định kháng nghị của VKSND thị xã K và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 của BLTTDS chấp nhận kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của VKSND tỉnh Hà Tĩnh. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án về “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” và thụ lý giải quyết là đúng quy định

về quan hệ tranh chấp cũng như thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K và đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Đối với lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày: Vào ngày 08/4/2019 anh có ký hợp đồng cho anh Lê Văn G vay số tiền 60.000.000 đồng để kinh doanh với thời hạn 1 tháng. Tài sản cầm cố là xe ô tô BKS 38A-S mang tên Lê Văn G. Do quen biết nên anh Nguyễn Hữu H đồng ý cho anh G được để lại toàn bộ giấy tờ gốc xe ô tô còn xe ô tô anh G được mượn về để làm phương tiện đi lại. Sau khi anh G mất, anh H đã thông báo cho chị Hoàng Thị Bảo Y là vợ anh G về khoản nợ trên và thống nhất thời gian xử lý thanh toán tiền nợ. Tuy nhiên chị Y đã thực hiện các thủ tục kê khai giấy tờ xe bị mất và sang tên sở hữu chiếc xe ô tô từ Lê Văn G sang Hoàng Thị Bảo Y, sau đó bán cho người khác. Biết sự việc anh H đã nhiều lần làm việc với chị Y nhưng chị không thực hiện nghĩa vụ trả nợ do anh G để lại.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh Nguyễn Hữu H cho rằng sau khi anh G chết có để lại tài sản gồm 01 xe ô tô BKS 38A-S mang tên Lê Văn G nhưng chị Y đã sang tên và bán được 200.000.000 đồng, số tiền sau khi bán xe do chị Y quản lý; 01 thửa đất và nhà ở có diện tích 157,5m² mang tên Lê Văn G và Hoàng Thị Bảo Y tại tổ dân phố L, Phường H, thị xã K.

Đối với lời khai của bị đơn chị Hoàng Thị Bảo Y không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì chị cho rằng khi anh G còn sống, vợ chồng có vay Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đại Dương chi nhánh Hà Tĩnh số tiền 600.000.000 đồng; cá nhân chị vay công đoàn Cty môi trường đô thị thị xã K 200.000.000 đồng và nợ bà giúp việc 100.000.000 đồng cùng nhiều khoản nợ khác. Vì vậy sau khi anh G chết tài sản để lại không đủ để thanh toán các khoản nợ trên của hai vợ chồng nên chị không có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của người chết để lại để trả nợ cho anh Hùng.

Ngoài ra, Bị đơn cũng thừa nhận sau khi anh G chết có để lại tài sản gồm có 01 chiếc xe ô tô BKS 38A-S, nay chị đã bán với số tiền là 200.000.000 đồng, số tiền này do chị quản lý nhưng đã trả nợ hết; 01 thửa đất và nhà ở có diện tích 157,5m² hiện chị và các con đang sinh sống.

Như vậy từ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ khác có căn cứ khẳng định vào ngày 08/4/2019 anh Lê Văn G có ký hợp đồng vay số tiền 60.000.000 đồng của anh Nguyễn Hữu H. Tài sản cầm cố là xe ô tô BKS 38A-S mang tên Lê Văn G. Sau khi chết anh G có để lại di sản là nhà ở, đất và xe ô tô. Về chữ viết và chữ ký trong hợp đồng vay tiền giữa anh H và anh G

cũng được chị Hoàng Thị Bảo Y thừa nhận là của anh Lê Văn G nên chị không yêu cầu giám định.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hàng thừa kế thứ nhất của người để lại di sản theo quy định gồm có: chị Hoàng Thị Bảo Y, bà Lê Thị Q, ông Lê Hồng Dũng (là bố mẹ đẻ của anh G) và hai con Lê Hoàng Nghĩa và Lê Thùy An. Tuy nhiên bà Q đã có văn bản từ chối nhận thừa kế, còn ông Dũng đã chết trước anh G, nên những người còn lại được hưởng thừa kế gồm chị Y và hai con là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do các con còn nhỏ nên người quản lý di sản là chị Hoàng Thị Bảo Y.

Tuy nhiên, xét thấy sau khi chết anh G vẫn đang còn khoản nợ 60.000.000 đồng chưa thanh toán cho anh Nguyễn Hữu H. Nay anh H có yêu cầu buộc chị Hoàng Thị Bảo Y là người thừa kế và quản lý di sản thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của người chết để lại để trả nợ cho anh H số tiền 60.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 21-9-2020, Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ điều 309, điều 310, điều 311, điều 312, điều 313, điều 314, 315, điều 316, điều 429, điều 463, điều 466, các điều 611, điều 613, điều 614, điều 615, điều 620, khoản 3 điều 623, điều 651, Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị Hoàng Thị Bảo Y là người thừa kế, người quản lý di sản thừa kế của anh Lê Văn G phải thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của anh Lê Văn G để lại, trả nợ cho anh Nguyễn Hữu H số tiền 60.000.000 đồng là có căn cứ đúng quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tại Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-QĐ ngày 02/10/2020 của VKSND thị xã K cho rằng căn sơ thẩm đã có vi phạm trong việc thu thập chứng cứ như chưa thu thấy Giấy đăng ký xe ô tô BKS 38A139.06 để làm cơ sở xác định tài sản chung của vợ chồng; chưa làm rõ thửa đất có diện tích 157,5m² và tài sản gắn liền với đất mang tên Lê Văn G và Hoàng Thị Bảo Y có giá trị bao nhiêu tiền; chưa làm rõ thực chất của việc chị Y bán chiếc xe ô tô 38A 139.06 là bao nhiêu mà mới chỉ là lời khai của chị Y về việc bán chiếc xe ô tô với giá 200.000.000 đồng. Ngoài ra chứng cứ đối với các khoản nợ vay của bà Trần Thị Ân, Công ty TMTTH Thương Tín chưa đảm bảo tính thuyết phục. Tuy nhiên xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hoàng Thị Bảo Y đã thừa nhận sau khi anh Lê Văn G chết có để lại tài sản là chiếc xe ô tô BKS 38A-S, chị đã sang tên chị và bán được 200.000.000 đồng, số tiền này chị Y quản lý và trả nợ hết. Như vậy số tiền bán xe chiếc xe ô tô BKS 38A-S có giá trị lớn hơn so với số tiền 60.000.000 đồng mà anh Lê Văn G dùng để cầm cố và vay của anh Nguyễn Hữu H nên việc làm rõ giá trị xe ô tô; đất và tài sản gắn liền với đất cùng các nội dung khác như các quyết định kháng nghị của VKSND thị xã K là không cần thiết.

Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của Bị đơn, Quyết định kháng nghị của VKSND thị xã K. Do đó cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-QĐ ngày 02/10/2020 của VKSND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 05/2020/DS-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, khoản 1 điều 238, Bộ luật tố tụng Dân sự. Căn cứ 309, điều 310, điều 311, điều 312, điều 313, điều 314, điều 315, điều 316, điều 357, điều 429, điều 463, điều 466, các điều 611, điều 613, điều 614, điều 615, điều 620, khoản 3 điều 623, điều 651, khoản 8 điều 658, Bộ luật Dân sự. Căn cứ điểm b điều 24, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu H. Buộc bị đơn chị Hoàng Thị Bảo Y là người thừa kế, người quản lý di sản thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của người chết là anh Lê Văn G để lại, trả nợ cho anh Nguyễn Hữu H với số tiền **60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng)**.

2. Chị Hoàng Thị Bảo Y được nhận lại ở anh Nguyễn Hữu H các loại giấy tờ cầm cố gồm: 01 CMND số 183365547, cấp ngày 22/02/2012 mang tên anh Lê Văn G, nơi cấp Công an Hà Tĩnh; giấy chứng nhận kiểm định số KC 6741436; Số khung MALBB 51CBBM-225721; Số máy: G4FAAW-155510; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 014870, khi chị thực hiện xong nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của người chết là anh Lê Văn G để lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định điều 357, tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị Bảo Y phải chịu 3.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm (Tiền án phí dân sự phúc thẩm chị Y đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006841 ngày 05/10/2020 tại Chi cục thi hành án thị xã K). Trả lại cho anh Nguyễn Hữu H số tiền tạm ứng án phí 1.500.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K theo biên lai thu số AA/2016/0007090 ngày 12/05/2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND thị xã K;
- Chi cục THA.DS thị xã K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền